

## CHUYÊN ĐỀ VỀ THƠ

### 1. Thơ trong mối quan hệ với hiện thực

Thơ là cuộc hôn phối giữa con người và vũ trụ. Thơ luôn tìm về với cuộc sống, thơ ở trong cuộc sống nên “Nhà thơ tuy chẳng muốn, cũng thấy mình bị ràng buộc vào cuộc biến chuyển của lịch sử” (Saint John Perse). Như vậy, dù ý thức hay vô thức, thơ vẫn chảy trong biển lớn cuộc đời và nhà thơ không thể đứng ngoài dòng chảy ấy. Hơn ai hết, họ phải là người cảm nhận cuộc sống mãnh liệt nhất, tế vi nhất.

“Thơ phản ánh đời sống con người trên toàn diện sinh động của nó từ mặt tăng (hành động) tới đáy tầng (tâm linh) qua hết mọi phương diện xã hội”

### 2. Nhà thơ và quá trình sáng tạo

Để đi vào thế giới nghệ thuật thơ, có lẽ chúng ta cần xác định nhà thơ – họ là ai? Vì chính sứ mệnh nhà thơ chi phối quá trình sáng tạo thi ca. Với Trần Nhựt Tân, “Thi sĩ là người duy nhất có được ngôn ngữ: hắn đã vượt thoát được ngôn ngữ. Thi sĩ là người duy nhất có thể vượt thoát được hố thăm, lập ngôn”. “Thơ là những xúc động đặc biệt được diễn tả bằng một ngôn ngữ đặc biệt của một sinh linh có năng khiếu đặc biệt mệnh danh là thi sĩ”.

Như vậy, trong quan niệm của các nhà lý luận phê bình văn nhà thơ không phải là người bình thường mà là người nghệ sĩ có phẩm chất khác thường. Thật vậy, sáng tạo thi ca là quá trình phức tạp. Như một ngọn nến, thi nhân tự đốt cháy tâm hồn mới mong thơ tỏa sáng giữa cuộc đời. Vì “thơ là kết tinh, thơ là ngọc đọng, thơ là phiên Kỳ nam trong rừng trầm hương, thơ là hạt minh châu trong biển hạt trai, thơ là tinh hoa trong vườn phương thảo”. Quá trình sáng tạo của nhà thơ là sự kết tinh của “hồn thơ”. Để sáng tác thi ca ngoài phần kỹ thuật, thi pháp cũng như nội dung tư tưởng, “còn đòi hỏi một nguyên lý sinh động đó là cái hồn thơ, cái khả năng cảm hứng và diễn tả của nhà thơ nó làm cho nội dung kết cấu với hình thức và bài thơ có một sức sống linh diệu” (Nguyễn Sỹ Tế). Và “Những chất thơ có được trong tác phẩm đều xuất phát từ một hồn thơ. Hồn thơ là nguồn suối nguyên sinh của cái đẹp nghệ thuật tìm thấy trong một sáng tạo đam mê” (Trần Nhựt Tân).

Với các nhà lý luận phê bình văn học, hồn thơ là yếu tố không thể thiếu trong quá trình sinh thành thơ ca. Nó không những là nguyên nhân, động lực, là “nỗi niềm tinh vân” dậy lên đam mê và khát khao sáng tạo mà còn là tiếng gọi từ trong vô thức của người thơ. “Chất thơ thường hướng về tác phẩm, tức là ngoại giới, hồn thơ là dư vang chưa

thành hình còn đang ở trong trạng thái tiềm thế, đồng hóa với mỹ cảm sống động trong tâm hồn thi sĩ”

### 3. Ngôn ngữ và hình ảnh thơ

“Thơ là nghệ thuật lấy ngôn ngữ làm cứu cánh” (Jakobson). Đó là thứ ngôn ngữ được chưng cất công phu vì “bài thơ là tổ chức ở trình độ cao của ngôn ngữ, một tổ chức chặt chẽ tinh tế của ngôn ngữ”. Vì vậy với các nhà lý luận phê bình văn học, ngôn ngữ thơ là một phương tiện hình thức luôn được coi trọng, ngôn ngữ luôn là một giá trị không thể phủ nhận trong thơ, vì “thơ tức là phần tinh lọc nhất của ngôn ngữ” (Nguyễn Quốc Trụ). Và “ngôn ngữ thi ca là thứ ngôn ngữ kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ và tư tưởng và nhiệm vụ của thi nhân là phải tạo nên sự nhiệm màu kỳ diệu ấy”. Đây mới thực sự là yếu tố làm nên giá trị thơ ca. Tư tưởng trong ngôn ngữ thơ như một chiếc dây điều vừa đưa thơ cất cánh bay cao, bay xa trong bầu trời của thực và mộng vừa neo thơ lại với bầu khí quyển đời sống. Ngôn ngữ thơ theo Phú Hưng “không phải là một thứ ngôn ngữ xác ve sau mùa hè đã im bật tiếng kêu mà đó là một thứ ngôn ngữ không ngừng biến sinh mãnh liệt”. Song ngôn ngữ trong thơ không phải là ngôn ngữ nguyên sinh của đời sống. Đó là ngôn ngữ có giá trị tạo nghĩa, là một thứ “bóng chữ”. Nó có một “ma lực” riêng, nhiều khi vượt thoát khỏi ý thức của người cầm bút để trở thành một thứ ám ảnh của vô thức. Như một “tiếng chim gọi đàn”, nó tràn ra ngòi bút của thi nhân và phóng chiếu thành những cảm hứng sáng tạo. Ngôn ngữ thơ vì thế “không những khác biệt ngôn ngữ nhật dụng, nó còn biệt lập với người cầm bút, nó còn khả năng tự tồn, sinh sôi, nảy nở “Chữ đẻ ra chữ và ra nghĩa” (Bùi Hữu Sung)

### 4. Quan niệm về nhạc tính và âm điệu trong thơ

Cùng với ngôn ngữ và hình ảnh, nhạc tính và âm điệu trong thơ cũng là một yếu tố thi pháp được các nhà lý luận phê bình văn học ở đô thị miền Nam đề cập khá nhiều trong quan niệm thơ của mình. Theo họ, “Nhạc điệu là một yếu tính của thi ca. Thiếu nhạc tính thơ trở thành văn xuôi”. Bởi nhạc tính như một nét duyên thầm làm nên vẻ đẹp của thơ, cũng là một yếu tố tạo mỹ cảm cho người đọc. “Ly khai với nhạc tính, thơ chỉ còn là một nhan sắc trơ trên thiếu duyên” (Tam Ích). Và “Thơ là sự phối hợp của âm thanh”. Thơ bao giờ cũng là sự kết hợp hài hòa giữa ý và nhạc. Nếu “rơi vào cái vực ý thì thơ sẽ sâu nhưng rất dễ khô khan. Rơi vào cái vực nhạc thì thơ dễ làm say lòng người nhưng dễ nông cạn” (Chế Lan Viên). Rõ ràng, nhạc tính là tiếng nói linh diệu của thi ca, gợi thức trí tưởng tượng của người đọc, nói như La Fontaine “Chẳng có thơ nào không có nhạc, song chẳng có thơ nào không có tưởng tượng”.

Là một yếu tố không thể thiếu trong thơ, nhạc được tạo nên từ cách dùng ngôn ngữ, cách gieo vần, phối thanh... Nếu ngôn ngữ và hình ảnh là những yếu tố song hành thì âm điệu cũng là yếu tố đồng hành với tính nhạc. Nói một cách hình ảnh, nếu ngôn ngữ là sợi dây đàn thì nhạc tính và âm điệu là những cung bậc thanh âm ngân lên từ sợi dây đàn ấy, “âm điệu là bố cục của tiết nhịp” mà “nhạc tính là dây giao cảm của từng yếu tố trong toàn bộ bố cục ấy”(Trần Nhựt Tân). Vì vậy trong quan niệm lý luận phê bình văn học, âm điệu cũng là một yếu tố hình thức nghệ thuật quan trọng trong thơ. Việc kiến tạo âm điệu trong thơ cũng chính là kiến tạo nhạc tính. Và âm điệu cũng là chiếc cầu nối thơ với người đọc, nói như Trần Nhựt Tân “âm điệu là một cảm nghiệm thi tánh như một sinh khí hội thoại của thơ với người thưởng lãm”

Quan niệm về ngôn ngữ, hình ảnh, âm điệu và nhạc tính trong thơ của lý luận phê bình văn học cũng tương hợp với quan niệm thơ phương Tây và quan niệm thơ ca truyền thống của dân tộc. Bởi đây là những hằng số giá trị của thơ ca. Nhưng thơ vẫn còn những ẩn số khác mà con người phải khám phá trong quá trình tìm đến bản thể thơ. “Thơ là vần điệu. Thơ là ý nghĩa tác động lên tâm hồn người đọc. Thơ là ẩn dụ nhằm gây rung động hay cảm xúc” (Huỳnh Phan Anh). Thơ mãi là một thế giới đầy bí ẩn mà khi giải mã, không phải lúc nào cũng có sự thống nhất; ngay cả trong quan niệm về việc chú giải, phê bình.

## 5. Khái lược về thơ trữ tình:

- Thơ là một thể loại VH được xây dựng bằng hình thức ngôn ngữ ngắn gọn súc tích, theo những quy luật ngữ âm nhất định, nhằm phản ánh tâm trạng, thái độ, tình cảm,... của người nghệ sĩ về đ/s thông qua những hình tượng NT.
- Trữ tình là phương thức phản ánh (hiện thực đ/s; hiện thực tâm trạng) bằng cách bộc lộ trực tiếp tình cảm, ý thức của tác giả thông qua cái tôi trữ tình, mang đậm dấu ấn cá nhân của chủ thể.
- Thơ trữ tình dùng để chỉ chung các thể thơ thuộc loại trữ tình, trong đó nhà thơ bộc lộ một cách trực tiếp những cảm xúc riêng tư, cá thể về đ/s, thể hiện tư tưởng về con người, cuộc đời và thời đại nói chung. Nội dung của thơ trữ tình là biểu hiện tư tưởng, tình cảm làm sống dậy cái thế giới chủ thể của hiện thực khách quan, giúp ta đi sâu vào thế giới của những suy tư tâm trạng, nỗi niềm.

## 6. Đặc điểm chung của thơ trữ tình:

### 6.1. Tính trữ tình:

Trữ tình là yếu tố quyết định tạo nên chất thơ. TP thơ luôn thiên về diễn tả những cảm xúc, rung động, suy tư của chính nhà thơ về cuộc đời. Những rung động ấy xét đến cùng là những tiếng dội của những sự kiện, những hiện tượng đ/s vào tâm hồn nhà thơ. Đây là đặc điểm cơ bản nhất của TP thơ. Nắm vững đặc điểm này ta sẽ có một định hướng rõ ràng trong việc tiếp cận, phân tích đúng TP thơ. Nghĩa là, khi phân tích TP thơ, ta không phải đi sâu vào mổ xẻ, cắt nghĩa, lí giải về các chi tiết, sự kiện, sự việc được nhà thơ đề cập, mà điều cốt lõi là thấy và nói được những cảm xúc, tâm trạng, thái độ và suy tư của nhà thơ về các vấn đề trên.

## 6.2. Chủ thể trữ tình:

Trong TP thơ ta luôn bắt gặp bóng dáng con người đang nhìn, ngắm, đang rung động, suy tư về cuộc sống. Con người ấy được gọi là chủ thể trữ tình. Nói cách khác, chủ thể trữ tình là con người đang cảm xúc, suy tư trong TP thơ. Nhân vật trữ tình trong TP thơ chỉ hiện diện, đối thoại với độc giả bằng những sắc thái tình cảm, thái độ tình cảm. Trong TP thơ, chủ thể trữ tình là yếu tố luôn có mặt để thể hiện nội dung trữ tình của TP. Cho nên, khi phân tích thơ, ta phải phân tích nội dung trữ tình. Muốn phân tích nội dung trữ tình thì nhất thiết, nắm bắt và phân tích được chủ thể trữ tình. Bởi lẽ, nội dung trữ tình luôn chứa trong chủ thể trữ tình.

## 6.3. Nội dung phản ánh trong thơ trữ tình:

### 6.3.1. Thơ trữ tình biểu hiện trực tiếp thế giới chủ quan của con người.

Trong TP trữ tình, tình cảm, cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ ... được trình bày trực tiếp và làm thành nội dung chủ yếu của TP. Ở đây, nhà thơ có thể biểu hiện cảm xúc cá nhân mình mà không cần kèm theo bất cứ một sự miêu tả biến cố, sự kiện nào. Người đọc cảm nhận trước hết là thế giới nội tâm, là thái độ xúc cảm và tâm trạng của nhân vật trữ tình đối với con người, cuộc đời và thiên nhiên. Nhà thơ có thể không cần phải miêu tả kỹ về con người và những nguyên nhân cụ thể dẫn tới những tình cảm đó. Điều này chứng tỏ sự biểu hiện trực tiếp thế giới chủ quan của tác giả là đặc điểm tiêu biểu, đầu tiên của TP trữ tình.

### 6.3.2. Thơ trữ tình phản ánh thế giới khách quan nhằm biểu hiện thế giới chủ quan.

TP trữ tình biểu hiện cảm xúc chủ quan của nhà thơ nhưng điều đó cũng được xác lập trong mối quan hệ giữa con người và thực tại khách quan bởi vì mọi cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ của con người bao giờ cũng đều là cảm xúc về cái gì, tâm trạng trước vấn đề gì...Do đó, hiện tượng c/s vẫn được thể hiện trong TP trữ tình. Mặc dù thể hiện thế giới chủ quan của con người, TP trữ tình vẫn coi trọng việc miêu tả các sự vật, hiện tượng trong đ/s khách quan bằng các chi tiết chân thật, sinh động. Như vậy, TP trữ tình cũng phản ánh thế giới khách quan nhưng chức năng chủ yếu của nó là nhằm biểu hiện những cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ ...của con người.

#### **6.3.4.Đặc điểm của ngôn ngữ thơ trữ tình:**

##### **6.4.1.Ngôn ngữ thơ trữ tình hàm súc, cô đọng**

Để có một vần thơ lắng đọng, các nhà thơ phải lao động hết mình để lựa chọn ra những ngôn từ thơ tốt nhất diễn tả được cảm xúc tình cảm của mình. Đó là sự gọt giũa về mặt ngôn từ để tạo ra những từ ngữ thơ mà đọc lên người đọc ấn tượng và hiểu thấu nội dung tư tưởng nhà thơ gửi gắm.

##### **6.4.2. Ngôn ngữ thơ giàu tính nhịp điệu**

Trong thơ, sự phân dòng của lời thơ nhằm mục đích nhịp điệu, tạo ra nhịp điệu thơ. Cuối mỗi dòng thơ đều có chỗ ngắt nhịp. Tùy theo số chữ trong mỗi dòng mà nhịp thơ thể hiện khác nhau.Và theo từng cung bậc tình cảm thì nhà thơ sử dụng thể thơ 4 chữ, 5 chữ, 6 chữ, 7 chữ, 8 chữ hoặc dài hơn, hoặc ngắn hơn chen nhau...Ngoài ra, trong các thể thơ Việt nam như lục bát, song thất lục bát tứ tuyệt, hát nói...là những cấu tạo nhịp điệu đặc biệt, có lưng, vắn, chân, lối ngắt nhịp riêng độc đáo.

##### **6.4.3. Ngôn ngữ thơ giàu tính nhạc, tính họa**

Bằng những âm thanh luyến láy, bằng những từ ngữ trùng điệp, sự phối hợp bằng trắc và cách ngắt nhịp, nhà thơ đã xây dựng nên những câu thơ, những hình tượng thơ có sức truyền cảm lớn, tạo nên những cung bậc tình cảm tinh tế của người nghệ sỹ.

Thơ được xây dựng bằng những hình tượng NT có sức gợi cảm lớn. Thi trung hữu họa, trong thơ thể hiện những bức tranh hoàn mỹ mà người đọc có thể hình dung khi cảm nhận những vần thơ khắc họa. Đó là tính họa trong thơ.

##### **6.4.4.Ngôn ngữ thơ phải có tính biểu hiện:**

VH nói chung, thơ ca nói riêng phản ánh hiện thực c/s qua hình tượng NT. Nghĩa là điều mà nhà nghệ sĩ nhận thức, suy tư về c/s luôn được thể hiện một cách gián tiếp. Để làm được điều này người nghệ sĩ đi vào khai thác khả năng biểu hiện của ngôn ngữ. Đó là cách tổ chức sắp xếp ngôn ngữ sao cho từ một hình thức biểu đạt có thể có nhiều nội dung biểu đạt. Đó là quá trình chuyển nghĩa tạo nên lượng ngữ nghĩa kép trong thơ.

## 7. ĐẶC TRƯNG CỦA THƠ TRỮ TÌNH VÀ MỘT SỐ LỖI CẦN TRÁNH KHI PHÂN TÍCH THƠ TRỮ TÌNH.

### Đặc trưng của thơ trữ tình.

Thơ là một hình thức NT đặc biệt. Hệ thống cảm xúc, tâm trạng và cách thể hiện tình cảm, cảm xúc được xem như là đặc trưng nổi bật của thơ trữ tình. Trong các TP thuộc các thể loại như văn xuôi, tự sự, kịch... cũng có cảm xúc, tâm trạng, nhưng cách thể hiện thì rất khác so với thơ trữ tình. Cảm xúc của tác giả có trong các thể loại VH kể trên là thứ cảm xúc được thể hiện một cách gián tiếp thông qua hệ thống hình tượng nhân vật, các sự kiện XH và các diễn biến của câu chuyện... Trái lại, trong thơ trữ tình, tác giả bộc lộ trực tiếp cảm xúc của mình., VD trong đoạn thơ sau.

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá

Tê Hanh – Quê Hương

Người đọc cảm nhận được rất rõ tấm lòng và tình cảm nhớ nhung da diết của nhà thơ Tê Hanh đối với quê hương, nơi ông đã sinh ra, lớn lên và gắn bó một thời. Ở đây nhà thơ công khai và trực tiếp nói lên những tình cảm, suy nghĩ của chính mình. Khác cách thể hiện tình cảm trong thơ, chúng ta hãy đọc đoạn văn sau:

Hôm sau Lão Hạc sang nhà tôi, Vừa thấy tôi Lão báo ngay:

– Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo a. !

– Cụ bán rồi?

– Bán rồi! Họ vừa bắt xong.

Lão cố gắng làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước...

Thế nó cho bắt à?

Mặt Lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu Lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của Lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc... (Nam Cao – Lão Hạc)

Người kể chuyện ở đây xưng “tôi”, nhưng “tôi” đây là ông giáo chứ không phải Nam Cao. Nhà văn hoàn toàn không xuất hiện mà giấu mình đi. Trong trang sách chỉ có ông giáo kể lại câu chuyện. Như thế phải qua cách kể chuyện và miêu tả nhân vật ông giáo về nỗi ân hận, đau khổ đến cùng cực của Lão Hạc. Chúng ta mới thấy được tấm lòng thông cảm, thái độ trân trọng yêu mến của Nam Cao đối với nhân vật này. Trong nhiều bài thơ trữ tình nhà thơ xưng “ta” chẳng hạn

“Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi”

(Tố Hữu)

Hoặc nhiều khi không thấy xưng “ta” hay “tôi” gì cả mà chỉ thấy một ai đó đang lắng lắng kể và tâm sự, tâm tình, chẳng hạn

“Năm nay đào lại nở

Không thấy ông đồ xưa

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?” (Ông Đồ)

Trong trường hợp như thế người ta xưng “ta” hoặc không xưng gì cũng đều là chính nhà thơ. Nghĩa là sau câu thơ vẫn hiện lên rất rõ tấm lòng và tình cảm sâu nặng của tác giả. Có những trường hợp nhà thơ mượn lời của một nhân vật nào đó, nhập vai vào một ai đó mà thổ lộ tâm tình (người ta gọi là trữ tình nhập vai) thì thực chất nhân vật trữ tình đó cũng chính là tác giả. Thế Lữ mượn lời con Hổ trong vườn bách thú để dốc bầu tâm sự của chính ông về nỗi chán ghét cái XH giả dối, nghèo nàn, nhố nhăng, ngớ ngẩn đương thời, để nói lên khát vọng tự do, khát vọng về một cái thời đi không trở lại... ông viết

“Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ

Thưở tung hoành hồng hách những ngày xưa”

thì ta ở đây là con Hồ cũng chính là nhà thơ Thế Lữ

Như vậy khi chúng ta phân tích thơ trữ tình thực chất là chỉ ra tiếng lòng sâu thẳm của chính nhà thơ. Nhưng tiếng lòng ấy lại được thể hiện rất cô đọng và hàm xúc bằng một NT độc đáo – NT ngôn từ. Tiếp xúc với một bài thơ trữ tình trước hết là tiếp xúc bởi một hình thức NT ngôn từ này. Nhà thơ gửi lòng mình qua những con chữ, trong những con chữ và các hình thức biểu đạt độc đáo khác. Tiếng kêu đau đớn ngọt ngào của Tố Hữu trước sự ra đi của chú bé liên lạc được thể hiện qua chữ “thôi rồi” và hình thức gẩy nhịp của câu thơ.

“Bỗng lòe chớp đỏ

Thôi rồi lượm ơi!”

Như thế phân tích thơ trữ tình trước hết phải xuất phát từ chính các hình thức NT, ngôn từ mà chỉ ra vai trò và tác dụng của chúng trong việc thể hiện tình cảm, thái độ của nhà thơ.

Nắm chắc đặc điểm và yếu tố trên chúng ta sẽ tránh được các lỗi dễ mắc trong việc phân tích và cảm nhận thơ trữ tình.

Những lỗi cần phải tránh khi phân tích thơ trữ tình:

- Chỉ phân tích nội dung và tư tưởng được phản ánh trong bài thơ, không thấy hình thức NT. Đây thực chất chỉ diễn xuôi nội dung thơ ra mà thôi
- Có chú ý đến các hình thức NT, nhưng tách rời các hình thức NT nhưng tách rời các hình thức NT ra khỏi nội dung (thường là gài kết bài mới nói qua một số hình thức NT được nhà thơ sử dụng trong bài)
- Suy diễn một cách máy móc, gượng ép phi lí các nội dung và vai trò, ý nghĩa của các hình thức NT trong bài thơ.

=> Tóm lại, để phân tích bài thơ trữ tình có cơ sở khoa học, có sức thuyết phục cần đến rất nhiều năng lực, nhưng trước hết người phân tích cần nắm được một số hình thức NT

## 8. MỘT SỐ YẾU TỐ HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT CẦN CHÚ Ý KHI PHÂN TÍCH THƠ TRỮ TÌNH.

Đọc TP VH trước hết chúng ta tiếp xúc với những hình thức NT cụ thể của ngôn từ NT. Đó là những dấu câu và cách ngắt nhịp, là vần điệu, âm hưởng và nhạc tính, là từ ngữ và hình ảnh, là câu và sự tổ chức đoạn văn, là văn bản và thể loại của văn bản... Phân tích TP VH không được thoát ly văn bản có nghĩa là trước hết phải bám sát các hình thức biểu hiện lên của ngôn từ NT, chỉ ra vai trò và ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện nội dung. Vậy chúng ta phân tích thơ trữ tình phải dựa trên thi pháp.

### Nhịp thơ:

– Nhịp điệu có vai trò, ý nghĩa quan trọng đối với thơ trữ tình. Nó giúp nhà thơ nâng cao khả năng biểu cảm, cảm xúc. Phân tích thơ trữ tình không thể không chú ý đến phân tích nhịp thơ. Để xác định nhịp điệu của từng bài thơ ngoài việc đọc từng câu thơ cho ngân vang âm điệu và làm bừng sáng hình ảnh thơ, việc nắm được đặc điểm chung của mỗi thể loại cũng là điều rất cần thiết. Thường thường nhịp điệu câu thơ lục bát uyển chuyển, mềm mại, thanh thoát, nhịp điệu thơ thất ngôn bát cú hài hòa, chặt chẽ, nhịp của thơ tự do, thơ hiện đại rất phóng khoáng, phong phú.

– Trong thơ trữ tình, cùng với dấu câu, cách ngắt nhịp cần được xem là một từ đa nghĩa, một từ đặc biệt trong vốn ngôn ngữ chung của nhân loại. Chúng ta đều biết rằng trong những tình huống giao tiếp thông thường của cuộc sống, im lặng lắm khi lại nói được rất nhiều: Khi căm thù tuột đỉnh, lúc xao xuyến băng khuâng, khi cô đơn buồn bã, lúc xúc động dâng trào... Những cung bậc tình cảm ấy nhiều khi không được mô tả bằng chữ nghĩa. Sự ngắt nhịp là một trong những phương tiện hữu hiệu để thể hiện “sự im lặng không lời” tạo nên “ý tại ngôn ngoại”, tính hàm nghĩa tạo ra điều không thể nói.

### Vần thơ

– Tiếng Việt rất giàu tính nhạc. Hệ thống vần điệu và thanh điệu là những yếu tố cơ bản tạo nên tính nhạc của Tiếng Việt nói chung và ngôn từ VH nói riêng. Vì vậy khi phân tích thơ trữ tình cần chú ý phân tích vần thơ, cách gieo vần

VD: .Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

.....

Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai.

– Vần của các câu được hiện với nhau trong đoạn thơ trên là sự hài hòa trong cùng một âm vực cao thấp, một trường độ âm thanh phát ra. Đó là sự hài hòa có được từ việc phối âm giữa các tiếng trong một cặp song thất. Xét từng cặp câu chúng ta thấy được sự hòa âm giữa câu 1 và câu 2, giữa câu 3 và câu 4 nhờ vào những âm giống nhau giữa tiếng

thứ bảy của câu bảy và tiếng thứ năm của câu bảy ở câu song thất, giữa tiếng thứ sáu của câu sáu và tiếng thứ sáu của câu tám trong cặp lục bát. Với sự hòa âm này của các câu thơ như nín kéo, lưu giữ lấy nhau trong từng đoạn hay cả bài thơ tạo nên sự trầm lắng, mênh mông, băng khuâng, da diết của cái buồn trong đoạn thơ, góp phần biểu đạt một cách hiệu quả tâm trạng nhân vật trữ tình.

– Tạo nên nhạc tính của thơ thực ra không chỉ có vần và hệ thống âm điệu mà ngay cả các âm trong mỗi tiếng cũng có những giá trị biểu đạt nhất định. Theo Đinh Trọng Lạc âm “a” gợi sự vui tươi bao la “Nhìn nhau mặt lúm cười ha ha” (Phạm Tiến Duật), âm “r” gợi sự hãi hùng run sợ “Những luồng run rẩy rung rinh lá” (Xuân Diệu), Âm “u”, “âu” gợi sự u sầu băng khuâng “Thấy xanh xanh những mây ngàn dâu – Ngàn dâu xanh ngắt một màu”.

– Có thể dẫn ra rất nhiều ví dụ để minh họa cho tính nhạc của ngôn ngữ Việt trong thơ. Khi ta phân tích TP VH (Nhất là thơ) cần hết sức chú trọng yếu tố này. Khi thấy âm hưởng, nhạc điệu của câu thơ không bình thường, có sự chuyển đổi thì hãy tập trung phân tích chỉ ra giá trị, vai trò và tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung.

### **Từ ngữ và các biện pháp tu từ:**

Đây là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất của hình thức chất liệu ngôn từ. Bởi vì mọi nội dung cần thể hiện của TPVH không thể có cách nào khác là nhờ vào hệ thống từ ngữ ấy. Các phương tiện như dấu câu nhịp điệu ngữ âm đã nêu ở trên chỉ có ý nghĩa khi nằm trong một văn bản mà từ ngữ là nền tảng. Nhà văn muốn mô tả, tái hiện hiện thực phải thông qua từ ngữ. Muốn đánh giá được nhà văn viết về những điều đó như thế nào lại cũng phải thông qua chữ nghĩa trong văn bản “VH là NT của ngôn từ” Chính là như vậy. Do tầm quan trọng ấy mà người ta coi lao động của nhà văn là thứ lao động chữ nghĩa. Có thể nói ngôn từ là một đặc trưng quan trọng và nổi bật của VH. Vì thế phải chú ý một số điểm sau:

– Thứ nhất: Phân tích TP VH không thể thoát ly và bỏ qua yếu tố từ ngữ. Muốn phân tích tốt từ ngữ trước hết phải nắm vững nghĩa của từ (Nghĩa chung và nghĩa trong văn cảnh cụ thể) sau đó luôn luôn suy nghĩ và đặt câu hỏi: Tại sao nhà văn dung từ này mà không dung từ khác? VD: trong bài “Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh” của Lý Bạch, câu thơ đầu “Sàng tiền minh nguyệt quang”, tại sao tác giả lại dung từ “sàng” mà không dung từ “thượng” đều có nghĩa là giường? hoặc tại sao từ ngữ này lại xuất hiện nhiều như thế? Có bao nhiêu từ đồng nghĩa với từ này? Có thể thay từ khác được không? VD: Trong bài “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) trong khổ thơ cuối từ “vì” có thay từ khác

được không? Tại sao tác lại dung từ đó? hoặc giáo viên có thể đặt câu hỏi “trong câu ấy, đoạn ấy từ nào cần chú ý?”

– Thứ hai: Người ta nói nhiều đến phân tích hình ảnh trong TP VH, nhưng phân tích hình ảnh trong TP VH là phân tích từ ngữ. Nhiều người đã nhầm tưởng phân tích từ ngữ và hình ảnh khác nhau nhưng thật ra là một. VD: Câu thơ của Nguyễn Du tả chân dung Tú Bà.

Thoát trông lòn lợt màu da

Ăn gì to lớn đầy đà làm sao?

(Truyện Kiều)

Vẽ chính xác thần thái của một mục chủ nhà chứa, bọn buôn thịt bán người. . Ta cũng thấy rõ thái độ của tác giả đối với loại người đó. Chữ “lòn lợt” lột tả được rõ nét nhất thần thái của Tú Bà! thực khó diễn tả bằng những từ ngữ khác: Vừa bóng nhẫy, vừa mai mái hay vàng bủng chằng? Đó là bộ mặt “thiếu vệ sinh” có nhà phê bình cho rằng ta đọc câu thơ này có cảm giác lợm giọng là như thế. Còn hai chữ “ăn gì” lại dường như muốn liệt mục chủ chứa vào một giống loài gì đó không phải giống người. Bởi vì giống người thì ăn cơm, ăn thịt, ăn gạo, ăn cá ... “ăn gì” là sao? Đó là một ví dụ để thấy phân tích hình ảnh và phân tích từ ngữ là một điều giáo viên cần lưu ý

– Hệ thống từ ngữ hình ảnh, cảm giác trong Tiếng Việt rất phong phú, đa dạng

VD: Gọi về tâm trạng như: xao xuyến, băng khuâng, phân vân ...

Gọi về thị giác: La đà, lơ lửng, chấp chới ...

Gọi về thính giác: mặn chat, chua lòm, ngọt lịm...

Gọi về xúc giác: Lạnh ngắt, nóng bỏng, xù xì...

– Thứ ba: Để tạo cách nói, cách viết có hình ảnh, gợi hình tượng bằng từ ngữ. Các nhà văn có thể vận dụng những cách: khi thì dùng từ láy:

VD: Nỗi niềm chi rứa Huế ơi

Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên

(Mẹ Tơm – Tố Hữu)

VD: Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

(Đồng Chí – Chính Hữu)

– Thứ tư: Ngôn từ VH là loại ngôn từ đã được chắt lọc từ ngôn ngữ đời thường, được nâng cấp, sửa sang, làm cho nó càng óng ả, giàu đẹp hơn. Các biện pháp tu từ chính là những phương tiện quan trọng để thực hiện nhiệm vụ trang điểm cho ngôn từ VH. Có rất nhiều biện pháp tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, so sánh, điệp ngữ, ... Tất cả những biện pháp đó nhằm mục đích giúp người nói, người viết có những cách diễn đạt hay hơn, đẹp hơn, phong phú hơn, và do vậy mà hiệu quả cao hơn. Phân tích các biện pháp tu từ giáo viên cần chỉ ra tính hiệu quả của cách viết, cách nói ấy, vai trò và tác dụng của chúng trong việc miêu tả, biểu đạt chứ không phải đơn thuần chỉ gọi tên liệt kê các biện pháp mà nhà văn đã dùng.

### **Không gian và thời gian trong thơ trữ tình:**

Không gian trong thơ trữ tình là nơi tác giả – cái tôi trữ tình hoặc nhân vật trữ tình xuất hiện để thổ lộ tâm lòng của mình. Không gian thường gắn với địa điểm chỉ nơi chốn như: cây đa, bến đò, mái đình, giếng nước, núi cao, biển sâu, trời rộng, sông dài... Nhiều địa danh riêng đã trở thành những không gian tượng trưng VH như: Tiêu Tương, Tầm Dương, Cô Tô, Xích Bích, Tây Thiên, Địa Ngục, Thiên Đường, Bồng Lai, Tiên Cảnh, Cõi Phật, Suối vàng.... Khi đọc TP VH, chúng ta cần chú ý xem nhà văn mô tả không gian ở đây có gì đặc biệt, không gian ấy có ý nghĩa gì và nói được nội dung gì sâu sắc qua không gian đó.